

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DS-ST

Ngày: 12-5-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chúc Ngân

Bà Cao Thị Kim Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Dũng là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường A - Toà án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T3

Trụ sở: Tòa nhà T4, số E, phố L, phường T, Quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành T - Chức vụ: Phó Phòng phụ trách - Phòng tổ tụng xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ 2 - Khối xử lý và Thu hồi nợ (theo văn bản ủy quyền số 05/2023/TPB.HĐQT ngày 18/10/2023)

Đại diện theo ủy quyền lại: Bà Trần Thị Thu T1, ông Thạch Trung H và ông Lê Văn K (theo văn bản ủy quyền số 1297/2024/GUQ-TPB.DR ngày 17/10/2024)

Cùng địa chỉ liên hệ: Số C Hậu Giang, phường B, Quận F, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Châu U, sinh năm 1986; Cùng địa chỉ: Số A, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Tất cả các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 11 năm 2024, những lời khai tiếp theo và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Ngân hàng TMCP T3 (do ông Lê Văn K đại diện) trình bày:

Ngày 12/01/2018, ông Nguyễn Hữu T2 và bà Nguyễn Thị Châu U đã ký kết với Ngân hàng TMCP T3 - Chi nhánh Đ “Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô” số 41/2018/HDTD/DNI/01 để vay số tiền là 1.645.000.000đ (Một tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay là 60 tháng (từ ngày 16/01/2018 đến ngày 16/01/2023), mục đích vay là mua xe ô tô, lãi suất vay được áp dụng kể từ ngày 16/01/2018 cho đến ngày 16/01/2019 là 7,9%/năm và lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,15%/năm. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay trên cho ông T2 và bà U vào ngày 16/01/2018.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là một xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI; số hiệu HD360; Màu trắng; Số khung KMFPA18CPGC090811; Số máy D6ACFJ292081; Biển số 60C-386.88; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 099716 do Phòng C - Công an tỉnh Đ cấp ngày 05/01/2018 cho ông Nguyễn Hữu T2.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 25/7/2018 ông T2 và bà U chỉ thanh toán cho Ngân hàng được số tiền nợ gốc là 160.760.066đ (Một trăm sáu mươi triệu bảy trăm sáu mươi nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng) và số tiền lãi là 64.971.566đ (Sáu mươi tư triệu chín trăm bảy mươi một nghìn năm trăm sáu mươi sáu đồng), sau đó ngưng không thanh toán nợ cho đến nay nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay của ông T2, bà U sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 12/5/2025 ông T2 và bà U nợ của Ngân hàng tổng số tiền là 3.712.207.009đ (Ba tỷ bảy trăm mười hai triệu hai trăm lẻ bảy nghìn không trăm lẻ chín đồng); trong đó, số tiền nợ gốc là 1.484.239.934đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi tư triệu hai trăm ba mươi chín nghìn chín trăm ba mươi tư đồng); số tiền lãi trong hạn là 387.494.474đ (Ba trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm bảy mươi tư đồng); số tiền lãi quá hạn là 1.422.893.522đ (Một tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn năm trăm hai mươi hai đồng) và số tiền lãi chậm trả là 417.579.079đ (Bốn trăm mười bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn không trăm bảy mươi chín đồng). Ngân hàng yêu cầu ông T2 và bà U có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ trên cho Ngân hàng và tiếp tục trả khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ vay cho Ngân hàng.

Trường hợp ông T2, bà U không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hữu T2, bà Nguyễn Thị Châu U đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do) nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vụ kiện.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Hữu T2, bà Nguyễn Thị Châu U có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ (gồm gốc và lãi) tính đến ngày 12/5/2025 là 3.712.207.009đ (Ba tỷ bảy trăm mười hai triệu hai trăm lẻ bảy nghìn không trăm lẻ chín đồng) và tiếp tục trả khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ vay cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Nguyễn Hữu T2, bà Nguyễn Thị Châu U không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo là một xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI HD360, biển số đăng ký 60C-386.88, số khung KMFP18CPGC090811, số máy D6ACFJ292081, tên chủ xe Nguyễn Hữu T2 theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 41/2018/HDTD/DNI/01 ngày 12/01/2018 ký kết giữa Ngân hàng TMCP T3 và ông T2, bà U để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng.

Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay được ký kết giữa các bên. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Theo kết quả xác minh, bị đơn có hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự*: Tại phiên tòa, tất cả các đương sự mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông T2, bà U vắng mặt không rõ lý do). Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ kiện theo thủ tục chung.

[1.3] *Về thời hiệu khởi kiện*: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên từ ngày 12/01/2018 với thời hạn vay là 60 tháng (từ ngày 16/01/2018 đến ngày 16/01/2023) nhưng do ông T2 và bà U vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng nên ngày 05/11/2024 Ngân hàng đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[2] Về đánh giá chứng cứ: Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện gồm: Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 41/2018/HDTD/DNI/01 ngày 12/01/2018, Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, ... Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến gì đối với các tài liệu này. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*, do đó đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Như vậy, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] *Xét yêu cầu thanh toán nợ (gốc và lãi)*: Ngày 16/01/2018, Ngân hàng cho ông T2, bà U vay số tiền 1.645.000.000đ (Một tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay là 60 tháng (từ ngày 16/01/2018 đến ngày 16/01/2023), mục đích vay để mua xe ô tô; Lãi suất vay là 7,9%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,15%/năm; thời hạn và phương thức thanh toán thỏa thuận trả nợ gốc khi đến hạn và lãi 01 tháng/lần vào ngày 15 theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 41/2018/HDTD/DNI/01 ngày 12/01/2018 đã ký kết giữa các bên.

Các bên khi tham gia giao kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản, có chữ ký của các bên và thỏa thuận về nội dung của hợp đồng ghi rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, thời hạn thanh toán. Như vậy, điều kiện về nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, các bên tự nguyện tham gia ký kết, không bị ai ép buộc. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, vì vậy các bên tham gia giao kết hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 25/7/2018 ông T2, bà U mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng được số tiền nợ gốc là 160.760.066đ (Một trăm sáu mươi triệu bảy trăm sáu mươi nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng) và số tiền lãi là 64.971.566đ (Sáu mươi tư triệu chín trăm bảy mươi một nghìn năm trăm sáu mươi sáu đồng). Từ sau kỳ trả nợ ngày 25/7/2018 đến nay ông T2 và bà U không

thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào khác cho Ngân hàng nên đã vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi theo kỳ hạn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án (như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ; Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ...) cho bị đơn. Mặc dù bị đơn vẫn còn sinh sống tại địa phương (BL 84) nhưng bị đơn không hợp tác đến Tòa án làm việc cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nộp cho Tòa án nên không có cơ sở để xem xét.

Lời khai của nguyên đơn về quá trình thỏa thuận và thực hiện hợp đồng tín dụng, theo quy định Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T2, bà U có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 12/5/2025 là 3.712.207.009đ (Ba tỷ bảy trăm mười hai triệu hai trăm lẻ bảy nghìn không trăm lẻ chín đồng) và tiếp tục trả khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ vay cho Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.2] *Xét Hợp đồng thế chấp*: Theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 41/2018/HDTD/DNI/01 ngày 12/01/2018 đối với tài sản đảm bảo là một xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI HD360, biển số đăng ký 60C-386.88, số khung KMFP18CPGC090811, số máy D6ACFJ292081, tên chủ xe Nguyễn Hữu T2 và đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

Tài sản thế chấp được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài sản chung của ông T2, bà U và ông T2, bà U đã đồng ý thế chấp việc thế chấp hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp, hợp đồng thế chấp được lập bằng văn bản các bên chủ thể tham gia giao kết là người có thẩm quyền, cùng thống nhất về quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ đúng theo quy định của pháp luật.

Do đó, trường hợp ông T2, bà U không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành các thủ tục xử lý tài sản nêu trên để thu hồi nợ là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 117, 119, 184, 185, 292, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 91; Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP T3, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với bị đơn - ông Nguyễn Hữu T2, bà Nguyễn Thị Châu U.

1. Buộc ông Nguyễn Hữu T2 và bà Nguyễn Thị Châu U có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP T3 số tiền nợ tính đến ngày 12/5/2025 là 3.712.207.009đ (Ba tỷ bảy trăm mười hai triệu hai trăm lẻ bảy nghìn không trăm lẻ chín đồng); trong đó, số tiền nợ gốc là 1.484.239.934đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi tư triệu hai trăm ba mươi chín nghìn chín trăm ba mươi tư đồng); số tiền lãi trong hạn là 387.494.474đ (Ba trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm bảy mươi tư đồng); số tiền lãi quá hạn là 1.422.893.522đ (Một tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn năm trăm hai mươi hai đồng) và số tiền lãi chậm trả là 417.579.079đ (Bốn trăm mười bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn không trăm bảy mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Hữu T2 và bà Nguyễn Thị Châu U còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông T2, bà U phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Hữu T2, bà Nguyễn Thị Châu U không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ đối với một xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI,

số hiệu HD360, màu trắng, số khung KMFP18CPGC090811, số máy D6ACFJ292081, biển số 60C-386.88. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 099716 do Phòng C - Công an tỉnh Đ cấp ngày 05/01/2018 cho ông Nguyễn Hữu T2.

Trường hợp đã xử lý hết tài sản thế chấp nêu trên mà vẫn chưa thu hồi hết khoản nợ thì ông Nguyễn Hữu T2, bà Nguyễn Thị Châu U tiếp tục phải có trách nhiệm thanh toán hết số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Hữu T2, bà Nguyễn Thị Châu U phải chịu số tiền 106.244.140đ (Một trăm lẻ sáu triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 50.570.000đ (Năm mươi triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008400 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang